TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-12-2023.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2023, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Bích H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số B, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số B, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H trình bày:

Chị H và anh Lâm Văn B quen biết, sau một thời gian tìm hiểu thì chị H và anh B quyết định tổ chức lễ cưới vào năm 1998 nhưng không dăng ký kết hôn.

Chị H và anh B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức không còn chung sống (ly thân) từ đầu năm 2023 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B thường xuyên bạo lực gia đình không tôn trọng chị H; mỗi lần nhậu về là anh Bảo k chuyện chửi bới vợ con rồi đánh đập chị H, dùng lời lẽ nhục mạ xúc phạm danh dự chị H. Việc anh B bạo lực

gia đình nhiều lần và anh B cũng đã được Công an thị trấn L lập biên bản và giáo dục, nhưng tính tình vẫn không thay đổi, việc bạo lực gia đình vẫn thường xuyên diễn ra. Trước đó, chị H đã từng nộp đơn xin ly hôn ra Toà án, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh B có viết cam kết không nhậu nhẹt chửi bới vợ con và chị H đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Sau đó chỉ được một thời gian ngắn thì anh B vẫn tính nào tật ấy, anh lại tiếp tục nhậu vào là chửi bới vợ con. Đến nay vẫn không hàn gắn được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình sống chung chị H và anh B có 02 con chung tên Lâm Thị Xuân M, sinh ngày 24/8/1999 và Lâm Hoàng P, sinh ngày: 16/8/2004, con chung đã thành niên, có khả năng lao động.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn B; Về con chung là cháu M và cháu P đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lâm Văn B trình bày:

Anh Lâm Văn B thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị Bích H về thời gian kết hôn; việc đăng ký kết hôn; thời gian chung sống hạnh phúc thời gian chính thức ly thân; về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng; số lượng và thông tin, tình trạng hiện tại của các con chung của vợ chồng.

Nay chị Bùi Thị Bích H yêu cầu ly hôn với anh B, anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, anh B vẫn còn thương vợ con nên mong muốn vợ chồng hàn gắn, cùng lo cho con.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh B thống nhất 02 con chung tên Lâm Thị Xuân M, sinh ngày 24/8/1999 và Lâm Hoàng P, sinh ngày: 16/8/2004 đã thành niên có khả năng lam động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B thống nhất với chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Bùi Thị Bích H xin ly hôn anh Lâm Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là anh B có địa chỉ cư trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị H là nguyên đơn, anh B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị H, anh B đều có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt chị H và anh B. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh B theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Bùi Thị Bích H và anh Lâm Văn B sống chung như vợ chồng từ năm 1998, nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là nơi đăng ký thường trú của chị H và anh B. Sự việc này do chị H trình bày, anh B cũng thống nhất. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Ngoài ra chị H có giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, cụ thể chị H đã cung cấp Xác nhận tình trạng hôn nhân số 76/UBND-XNTTHN, ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng tháp với nội dung xác nhận chị Bùi Thị Bích H chưa đăng ký kết hôn với ai. Từ đó xác định chị H và anh B sống chung như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

"1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc không đăng ký kết hôn của chị H và anh B đã không tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên không được công nhận là vợ chồng hợp pháp. Sau một thời gian chung sống như vợ chồng chị H và anh B bắt đầu xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Hiện vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Do không còn tình cảm với anh B nên chị H đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn. Dù anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Tuy nhiên, *khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:*

"...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

Từ những nhận định và nội dung các quy định đã nêu đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H để không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị H và anh B là phù hợp với quy tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh B có 02 con chung tên Lâm Thị Xuân M, sinh ngày 24/8/1999 và Lâm Hoàng P, sinh ngày: 16/8/2004, hiện cháu M và cháu P đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Sự việc này do

chị H trình bày, anh B cũng thống nhất đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ để xác định cháu M và cháu P là con chung của chị H và anh B, hiện đã thành niên có khả năng tự lao động kiếm sống.

Chị H và anh B thống nhất không yêu cầu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Do chị Bùi Thị Bích H và anh Lâm Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Bùi Thị Bích H và anh Lâm Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhân quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Bích H và anh Lâm Văn B.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Bùi Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003896 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Bùi Thị Bích H và anh Lâm Văn B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân